VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index tăng gần 29 điểm, thị trường vẫn trong vùng tích lũy

Thứ Ba, Ngày 10 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,743.07	1,860.93	256.26	121.41
▲ +28.75 (+1.68%)	▲ +30.80 (+1.68%)	▲ +1.02 (+0.40%)	▼ -0.04 (-0.03%)

	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)
VN-INDEX	13,102	+3.8%	+477.6
VN30	6,401	-8.4%	+254.1
HNX-INDEX	944	+33.9%	-12.7
UPCOM-INDEX	368	-15.9%	-3.2

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 29 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,743.07 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng mạnh về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó Bất động sản, Truyền thông và Du lịch & giải trí tăng trên 2%. Ở chiều ngược lại, Dầu khí là ngành duy nhất giảm trên 1%. Về giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên HSX, trong khi bán ròng trên HNX và UPCOM. Biên độ dao động của VN-Index đang có xu hướng thu hẹp và chỉ số chủ yếu giằng co quanh vùng 1,725 điểm trong một tuần trở lại đây. Trong những phiên tới, trạng thái tích lũy với biên độ rung lắc thu hẹp có thể tiếp tục, qua đó giúp chỉ số hình thành nền giá ổn định hơn trước khi xác lập xu hướng mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng, cùng chiều vận động với chỉ số VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 10/11/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+28.75** điểm, đóng cửa tại 1,743.07 điểm. HNX-Index **+1.02** điểm, đóng cửa tại 256.26 điểm. UPCoM-Index **-0.04** điểm, đóng cửa tại 121.41 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+12.45**), VHM (**+2.76**), HVN (**+0.99**), LPB (**+0.76**), GVR (**+0.72**).
- Kéo chỉ số giảm: BSR (**-0.50**), PVD (**-0.09**), DCM (**-0.08**), PLX (**-0.07**), FPT (**-0.04**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13,102 tỷ đồng, tăng 28.62% so với phiên trước và cao hơn 3.8% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 16,933 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.3 điểm. Sàn HOSE có 218 mã tăng (3 mã trần), 90 mã tham chiếu, 94 mã giảm (3 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 477.57 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm KDH (**+86.59** tỷ), POW (**+76.95** tỷ), SSI (**+68.01** tỷ), VHM (**+59.25** tỷ), NVL (**+57.27** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 1 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,104** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.70** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-3.20** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
KDH	86.59	FPT	-88.31
POW	76.95	VIX	-62.25
SSI	68.01	MSB	-54.80
VHM	59.25	MSN	-38.59
NVL	57.27	PNJ	-37.70

HOSE luỹ kế năm: **-123,104** tỷ 1 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,550	+2.35%	+0.11%
FTSE100	10,783	+1.02%	+0.20%
Eurostoxx	6,290	+1.94%	+1.85%
Shanghai	3,664	+0.08%	+1.54%
Nikkei	60,460	+2.87%	-4.16%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	89.36	-3.47%	-13.75%
Giá vàng	4,089	-1.23%	+4.05%
USD/VND	25,594	+0.27%	-0.65%
EUR/VND	28,731	+0.29%	-0.35%
JPY/VND	162	+0.16%	-0.24%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	-0.1 bps	-0.3 bps
VN LS LNH 1M	5.75%	+30.0 bps	+40.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	242.00	+3.24%	+12.45	2.23
VHM	62.00	+2.65%	+2.76	5.02
HVN	22.85	+6.78%	+0.99	2.34
LPB	36.10	+3.44%	+0.76	31.26
GVR	29.65	+1.54%	+0.72	1.24

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BSR	25.45	-1.93%	-0.50	11.89
PVD	16.70	-2.91%	-0.09	5.67
DCM	30.10	-2.59%	-0.08	4.22
PLX	32.80	-0.76%	-0.07	2.11
FPT	50.90	-0.20%	-0.04	7.35

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MBS	16.60	+4.40%	+0.42	9.74
SHS	13.70	+3.79%	+0.27	36.72
IDC	36.00	+3.15%	+0.27	4.36
KSF	68.20	+0.44%	+0.21	0.09
HUT	12.90	+2.38%	+0.19	4.27

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	15.50	-1.27%	-0.33	0.98
PVS	28.40	-2.41%	-0.24	4.20
THD	89.80	-0.77%	-0.15	0.01
VIT	23.00	-8.00%	-0.08	0.01
DHT	48.90	-2.20%	-0.06	0.00

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	242.00	+3.24%	+7.38	2.23
MWG	74.00	+2.35%	+3.33	2.69
HPG	21.25	+1.67%	+3.12	17.62
LPB	36.10	+3.44%	+2.49	31.26
MSN	72.60	+1.54%	+1.69	3.70

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BSR	25.45	-1.93%	-0.34	11.89
FPT	50.90	-0.20%	-0.26	7.35
DGC	32.85	+0.15%	0.00	–
TPB	12.70	+1.20%	0.00	–
PLX	32.80	-0.76%	0.00	–

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PIT	9.44	+6.91%	0.01
DAH	2.49	+6.87%	0.39
NTL	13.25	+6.85%	2.49
PMG	5.67	+6.78%	0.00
HVN	22.85	+6.78%	2.34

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CMV	7.34	-6.97%	0.00
SMA	9.12	-6.94%	0.00
COM	28.30	-6.75%	0.00
TRA	33.15	-6.49%	0.01
PJT	8.42	-6.44%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
D11	17.60	+10.00%	0.17
CAR	156.00	+9.94%	0.00
TMB	73.10	+9.92%	0.09
CLM	73.50	+9.87%	0.01
HEV	12.30	+9.82%	0.00

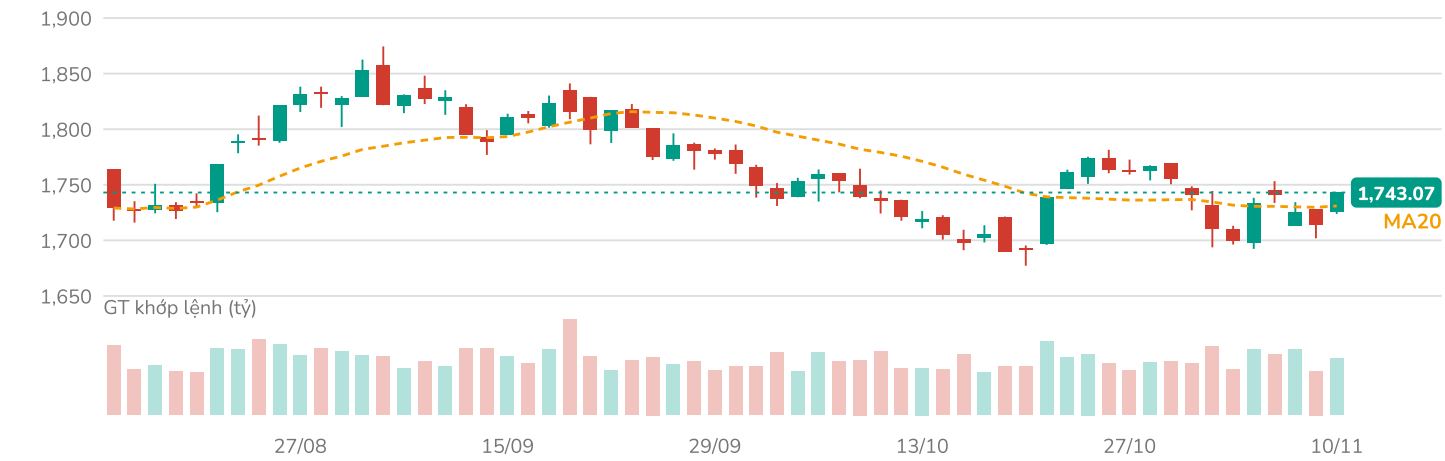
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TIG	3.60	-10.00%	0.30
VNT	26.60	-9.22%	0.00
MEL	8.00	-9.09%	0.00
DNC	44.70	-8.96%	0.00
DST	4.10	-8.89%	1.02

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

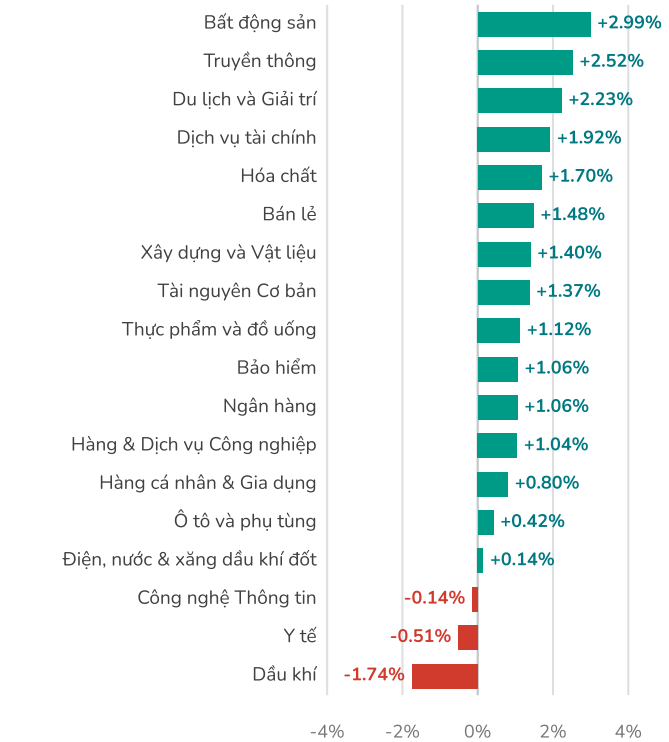
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,731.03 TB20 GT khớp lệnh: 12,617 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

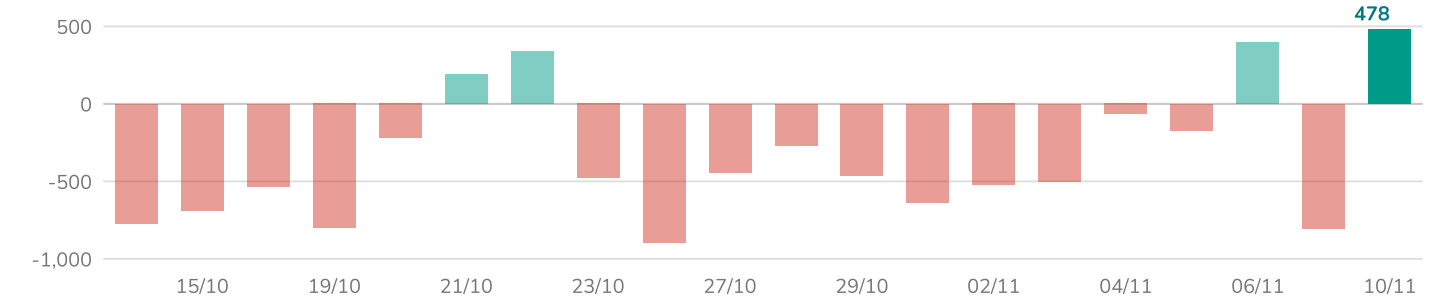
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	+2.99%	2,884	301.0
Ngân hàng	+1.06%	5,400	102.5
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+0.14%	377	88.2
Xây dựng và Vật liệu	+1.40%	712	47.8
Tài nguyên Cơ bản	+1.37%	634	43.0
Bảo hiểm	+1.06%	53	21.4
Bán lẻ	+1.48%	321	20.1
Hóa chất	+1.70%	254	-31.8
Hàng cá nhân & Gia dụng	+0.80%	246	-38.6
Công nghệ Thông tin	-0.14%	463	-88.6

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+1.68%	8,327	254.1
VNMID	+1.57%	7,445	184.1
VNSML	+0.48%	876	4.0

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

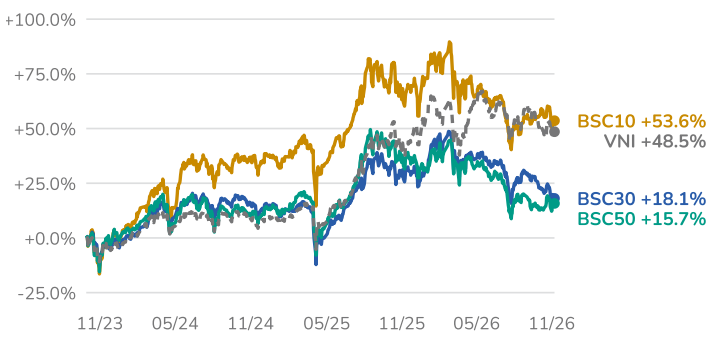
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.02%**. Các mã diễn biến tích cực: KDH (+5.65%), SSI (+3.77%), VHM (+2.65%).
- BSC50 **+1.37%**. Các mã diễn biến tích cực: MBS (+4.40%), NLG (+4.21%), FTS (+4.17%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+1.02%	+1.37%	+1.68%	+1.68%
1 tuần	+2.79%	+4.12%	+2.56%	+2.50%
1 tháng	+1.37%	+3.06%	+1.38%	0.00%
3 tháng	-2.44%	-3.18%	-1.71%	-3.20%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	74.0	+2.35%	1.1	109,201	199.0	7,556	9.8	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.2	+0.93%	1.2	25,616	42.3	1,859	14.6	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	15.9	+5.65%	1.2	19,800	359.8	1,374	11.6	39.9	23.5%	Link
PDR	Bất động sản	11.9	+2.59%	1.3	11,874	80.9	540	22.0	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	62.0	+2.65%	1.4	509,319	311.4	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	50.9	-0.20%	0.7	95,984	378.7	5,479	9.3	124.4	26.7%	Link
BSR	Dầu khí	25.4	-1.93%	–	127,436	303.8	5,584	4.6	–	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	28.4	-2.41%	0.8	17,429	120.4	3,417	8.3	52.3	15.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.4	+0.86%	1.1	32,172	103.6	1,061	22.1	–	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.6	+3.77%	1.2	61,960	709.6	1,554	13.3	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.0	+1.52%	1.1	23,045	215.4	1,249	16.0	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	30.1	-2.59%	0.7	15,935	128.7	5,132	5.9	53.3	7.3%	Link
DGC	Hóa chất	32.9	+0.15%	1.1	12,476	15.3	4,883	6.7	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.7	+0.98%	0.8	120,152	191.6	2,773	7.5	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	32.2	+0.47%	0.9	250,459	142.7	4,524	7.1	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.9	+0.79%	1.0	247,766	306.1	5,479	5.8	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.5	+1.35%	0.9	146,404	429.4	2,932	7.7	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	19.4	+0.52%	0.9	195,334	207.2	3,507	5.5	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	+0.31%	0.7	61,214	223.1	1,673	9.8	14.0	6.0%	Link
STB	Ngân hàng	69.7	+1.75%	0.8	131,400	210.7	809	86.2	–	10.1%	Link
TCB	Ngân hàng	22.0	+1.85%	1.1	233,846	247.7	2,694	8.2	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	12.7	+1.20%	1.1	40,515	278.5	2,649	4.8	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	53.8	+0.37%	0.9	449,535	264.5	4,986	10.8	–	19.8%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	+1.44%	0.7	52,482	90.2	2,071	6.8	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	22.6	+1.35%	1.2	225,500	446.5	3,118	7.2	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.2	0.00%	0.9	6,983	35.2	2,348	6.9	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.6	+1.54%	1.1	106,023	266.2	6,243	11.6	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.9	+1.76%	0.5	121,008	219.4	5,455	10.6	78.0	49.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.2	+1.67%	1.0	179,413	375.7	3,251	6.5	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.9	0.00%	1.1	8,799	39.5	772	14.1	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.5	+2.20%	1.1	8,834	52.6	4,269	9.3	28.6%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	146.4	+2.52%	0.7	26,179	54.7	7,598	19.3	33.7%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	64.3	+1.26%	0.8	47,731	51.2	4,560	14.1	27.5%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.7	+2.40%	1.3	8,991	102.2	776	13.7	3.0%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.4	+4.11%	1.3	14,456	213.1	92	124.4	15.0%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	13.2	-1.13%	1.4	3,021	46.1	690	19.1	1.3%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	36.0	+3.15%	1.1	15,028	155.3	4,365	8.2	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.5	+4.21%	1.2	11,400	63.3	1,026	22.9	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	49.8	+0.20%	0.8	12,057	6.2	5,778	8.6	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.4	+0.49%	1.1	3,663	21.4	891	22.8	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.6	+2.64%	1.4	13,645	144.7	793	17.1	9.8%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	242.0	+3.24%	1.4	1,878,449	534.1	5,557	43.5	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.1	+1.26%	1.2	54,763	73.5	3,255	7.4	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.6	+0.28%	0.9	4,099	3.7	1,687	10.4	35.5%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	136.4	+1.41%	0.8	104,904	160.7	2,866	47.6	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	32.8	-0.76%	0.6	42,439	69.6	3,022	10.8	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.7	-2.91%	0.7	15,493	95.6	976	17.1	8.2%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	20.0	+4.17%	1.1	7,618	35.1	1,054	19.0	24.7%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.6	+4.40%	1.1	16,615	159.8	1,562	10.6	0.5%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.2	+1.37%	1.6	29,113	301.7	762	29.2	5.6%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.5	+1.52%	0.9	34,740	137.4	4,184	12.8	37.6%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.2	+0.94%	0.9	9,247	8.0	6,594	7.3	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	-0.49%	0.5	10,597	74.8	2,977	6.9	15.9%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.1	+0.77%	0.8	9,307	12.4	2,174	21.2	4.0%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.7	+3.52%	1.4	7,522	219.4	3,302	4.5	25.4%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.0	0.00%	0.9	1,765	11.7	1,741	8.6	48.1%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.5	+1.16%	1.0	2,253	7.2	3,692	4.7	22.3%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.4	+0.78%	0.7	13,225	23.2	2,320	8.4	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.6	+2.95%	1.3	118,600	36.6	2,111	14.1	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.4	+0.62%	1.2	30,455	348.2	103	159.3	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.1	+3.44%	0.5	107,841	1,028.3	4,048	8.9	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.8	+1.59%	0.5	27,633	40.8	2,365	5.4	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.8	+0.47%	0.7	32,922	13.0	1,482	7.2	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.6	+0.86%	1.1	4,686	13.4	2,961	5.9	1.8%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	-0.16%	0.5	12,546	55.7	252	122.7	3.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.9	+0.23%	0.3	55,022	33.5	3,623	11.8	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.9	+2.25%	0.9	10,452	20.7	5,503	9.1	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.1	-1.22%	1.1	5,957	90.4	494	24.5	4.9%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	137.8	-0.07%	0.5	11,280	12.3	15,292	9.0	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	71.4	+1.28%	1.1	7,984	59.5	7,145	10.0	47.3%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	63.9	0.00%	0.9	8,186	11.7	5,223	12.2	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.2	-0.46%	1.0	3,824	20.1	3,735	8.6	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.9	+4.00%	1.0	5,676	80.6	1,241	8.0	10.3%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.6	+0.30%	0.9	7,828	10.5	2,352	7.0	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.4	+2.67%	0.9	10,752	82.0	1,607	9.6	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.6	+3.18%	1.2	18,203	10.5	4,003	10.1	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	73.1	+0.14%	0.9	176,387	61.1	6,110	12.0	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.7	+3.09%	1.1	6,796	52.1	1,999	8.3	15.8%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.5	-0.40%	1.0	38,348	189.3	2,353	5.3	4.1%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.7	+1.06%	0.4	29,736	38.4	4,420	10.8	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn